

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/06/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		VSP01+P4+PPD	7:25	3+13+2	0+0+0		1+17+4	0+0+0	
2		P11+BK5+P1	7:25	20+0+1	0+0+0		9+6+3	0+0+0	
3		PPD+P8+AMD	7:25	20+2+0	0+0+0		17+3+2	0+0+0	
4		RP3+RC5+RC6	9:25	20+1+0	0+0+0		16+3+3	0+0+0	chuyen 2 P4-PPD
5		RP3+RP2+P2	9:25	12+5+4	0+0+0		6+0+16	0+0+0	
6		RP1+BK3+P10	12:00	21+0+0	0+0+0		0+10+9	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 nguoi bk5 về đi P2



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 06/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: VSP01 - P4 - PPD	CREW: XHOÀN - TTRUNG - MQUÂN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/2498	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN NAM SINH	VSP01	83	1	8	1	10	78	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TRẦN BÌNH	VSP01	84	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM TUẤN VIỆT	VSP01	82	1	9			86	DK9	Vietnamese
4	NGUYỄN BẠCH DƯƠNG	P4	60	1	5	2	36	72	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH ĐỨC	P4	59	1	3	3	50	103	KHI	Vietnamese
6	HOÀNG TRỌNG TÂN	P4	64	1	6			68	KHI	Vietnamese
7	TRẦN SƠN NAM	P4	61	1	4			89	KHI	Vietnamese
8	LÊ VĂN HƯỚNG	P4	65	1	4			60	KHI	Vietnamese
9	LƯƠNG TUẤN CHUNG	P4	57	1	2			72	KHI	Vietnamese
10	HOÀNG VĂN HÙNG	P4						82	KHI	Vietnamese
11	ZHURBIN NIKOLAY	P4	62	1	6			87	KHI	Vietnamese
12	TRẦN SƠN TIỀN	P4	63	1	6			70	KHI	Vietnamese
13	TẠ VĂN QUỲNH	P4						74	KHI	Vietnamese
14	VŨ NGỌC TUẤN	P4	56	1	7	2	16	83	KHI	Vietnamese
15	ĐOÀN VĂN TRỰC	P4	58	1	9			66	KHI	Vietnamese
16	LÊ HUY CHUÔNG	P4	51	1	7			53	KHI	Vietnamese
17	ĐẬU TRỌNG HOÀNG	PPD	71	1	5	4	70	67	KHI	Vietnamese
18	LÊ TRẦN MINH KHÁNH	PPD	70	1	7			62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP01	3	236	3	23	1	10	1		
2	P4	13	979	11	59	7	102	17	2	CHUYEN 2 PAX P4-PPD
3	PPD	2	129	2	12	4	70	4		
TOTAL		18	1.344	16	94	12	182	22		
WEIGHT KG			1.344		94		182			

GRAND TOAL: 1.620 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
NGUYỄN THÀNH TRUNG

☐
☒



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 06/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: P11 - BK5 - P1	CREW: NAM - MTHAO - THÀNH	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/2500	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐÌNH NGỌC HÙNG	P11	37	1	5			64	XAYLAP	Vietnamese
2	HOÀNG VĂN THUYẾT	P11	32-33	2	16			61	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH TỐI	P11	40	1	10	1	13	69	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU KHUYÊN	P11	34	1	11			60	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC KIM	P11	80-81	2	19			62	XAYLAP	Vietnamese
6	CHÊ NGỌC TỬ	P11	47-48	2	19			78	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ PHƯƠNG VIỆT ANH	P11	72-73	2	18			76	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ VĂN HUẤN	P11	82-83	2	12			68	XAYLAP	Vietnamese
9	HÀ TUẤN DŨNG	P11	74-75	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
10	TRỊNH VĂN BÁU	P11	49,71	2	20			72	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ ĐỨC VIỆT	P11	76-77	2	20			71	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN XUÂN NGỌC	P11	78-79	2	20			77	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ XUÂN TIẾN	P11	41-42	2	20			60	XAYLAP	Vietnamese
14	VŨ ĐÌNH HÙNG	P11	44	1	12	1	15	63	XAYLAP	Vietnamese
15	PHẠM NGỌC ĐIỀU	P11	85	1	15			76	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN HÀM CHUNG	P11	86	1	10	1	15	70	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAN VĂN HỌC	P11	43	1	10	1	13	61	XAYLAP	Vietnamese
18	VŨ KIM THÔNG	P11	35-36	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
19	VŨ VĂN KHA	P11	84	1	11			67	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HIỂN	P11	38	1	13			59	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	20	1.349	31	301	4	56	9		
2	BK5	0	0	0	0	0	0	6		
3	P1	0	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		20	1.349	31	301	4	56	18		
WEIGHT KG			1.349		301		56			

GRAND TOAL: 1.706 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

TRẦN HỒNG NAM

MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 06/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: PPD - P8 - AMD	CREW: VTHU - ĐỨC - TDUNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/2504	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÂM QUANG NAM	PPD	63	1	9			74	KHI	Vietnamese
2	BÙI HỮU LÂN	PPD	64	1	6			77	KHI	Vietnamese
3	TỪ NGỌC HẢI	PPD	54-55	2	13			78	KHI	Vietnamese
4	PHẠM ĐỨC TUẤN	PPD	74	1	4			71	KHI	Vietnamese
5	HOÀNG NGUYỄN TẤN ĐẠT	PPD	58	1	8			61	KHI	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC DUY	PPD	51	1	10			71	KHI	Vietnamese
7	TRẦN SƠN HẢI	PPD	59	1	6			72	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT ĐẠI	PPD	72	1	4			74	KHI	Vietnamese
9	PHẠM ĐỨC TOÀN LỘC	PPD	66	1	4			83	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC THU	PPD	75	1	5			63	KHI	Vietnamese
11	ĐỖ NGỌC TÂN	PPD	76	1	7			78	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN VINH	PPD	50	1	5			68	KHI	Vietnamese
13	PHẠM HỒNG THÁI	PPD	61	1	5			65	KHI	Vietnamese
14	ĐOÀN DUY HÙNG	PPD	65	1	8			85	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	60	1	4			80	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN HUỖNH	PPD	73	1	5			51	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG	PPD	52-53	2	13			73	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	71	1	7			64	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN TRƯỞNG NHẬT MINH	PPD	56-57	2	14			79	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	PPD	62	1	6	3	55	72	KHI	Vietnamese
21	VŨ VIỆT HUÂN	P8	10	1	13	3	50	72	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐINH VĂN TÂM	P8	11	1	12			63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	20	1.439	23	143	3	55	17		
2	P8	2	135	2	25	3	50	3		
3	AMD	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	1.574	25	168	6	105	22		
WEIGHT KG			1.574		168		105			

GRAND TOAL: 1.847 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

PHẠM VĂN THU
TRƯƠNG CÔNG ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 06/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: VANG-2	TO: RP3 - RC5 - RC6	CREW: XHOÀN - TTRUNG - MQUÂN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/2497	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	AKOPOV DAVID	RP3	47	1	6	2	20	87	KH-THAC	Russian
2	VÕ QUỐC THỐNG	RP3	52-53	2	15			76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN MINH VIỄN	RP3	48-49	2	12			78	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN NAM	RP3	44	1	5			78	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC ANH	RP3	37	1	3			72	KHI	Vietnamese
6	PHẠM DUY DŨNG	RP3						72	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TÂN	RP3						65	KHI	Vietnamese
8	HOÀNG ĐỨC LÂM ANH	RP3	38	1	3			77	KHI	Vietnamese
9	DƯƠNG VĂN VÀO	RP3	39	1	4			82	KHI	Vietnamese
10	LÊ XUÂN VIỆT	RP3	34	1	7			77	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN TRUNG KIÊN	RP3	54	1	5			70	KHI	Vietnamese
12	LÊ MẠNH HÙNG	RP3	45	1	8			74	ANTOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN NGHĨA TƯỜNG	RP3						73	THIÊN NAM	Vietnamese
14	NGUYỄN THỪA THÁI	RP3	55-56	2	16			68	CODIEN	Vietnamese
15	VÕ NGỌC THÁI SƠN	RP3	57	1	15	1	20	74	CODIEN	Vietnamese
16	HOÀNG VĂN CHIẾN	RP3	35-36	2	7			71	KHI	Vietnamese
17	DƯƠNG MẠNH HIỀN	RP3	40-41	2	20			65	KHI	Vietnamese
18	TRẦN VĂN THỨC	RP3	42-43	2	18			68	KHI	Vietnamese
19	PHAN ANH KHANG	RP3	50-51	2	18			66	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU TRÌNH	RP3	46	1	10			76	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN QUỐC TRUNG	RP3	59-60	2	20			69	XAY LAP	Vietnamese
22	NGUYỄN TIẾN TÚ	RC5	12	1	8			72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	21	1.538	26	192	3	40	16		
2	RC5	1	72	1	8	0	0	3		
3	RC6	0	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	1.610	27	200	3	40	22		
WEIGHT KG			1.610		200		40			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
NGUYỄN THÀNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 06/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: RP3 - RP2 - P2	CREW: NAM - MTHAO - THÀNH	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 5	VNHS FLIGHT: TM26/2501		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN THIÊN TÀI	RP3	94-95	2	13			83	KHI	Vietnamese
2	PHẠM ĐÌNH HẢI	RP3	88-89	2	16			78	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN TUẤN ANH	RP3	91-93	3	20			81	KHI	Vietnamese
4	HOÀNG VĂN THÀNH	RP3	84-85	2	13			68	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN ĐIỆP	RP3	90	1	7			64	KHI	Vietnamese
6	ĐÌNH VIỆT DỪNG	RP3	83	1	6			61	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN KHẮC SƠN	RP3	86-87	2	14			64	XAYLAP	Vietnamese
8	VÕ QUỐC THANH	RP3	96	1	10	1	15	75	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN MINH ĐỨC	RP3	100,200	2	17	1	10	88	XAYLAP	Vietnamese
10	BÙI VĂN LONG	RP3	389	1	4			72	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN DUY CHINH	RP3	98	1	2			55	PSV	Vietnamese
12	TRẦN QUỐC ĐẠI	RP2	61-62	2	18			84	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN LÊ ĐĂNG QUANG	RP2	58	1	12			96	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ QUANG ĐẠO	RP2	59-60	2	17			82	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NHẬT KIM LONG	RP2	52-53	2	18	1	13	61	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ MINH PHƯỢNG	RP2	56-57	2	13			60	DVL	Vietnamese
17	VU DINH TU	RP2	55	1	7			67	PSV	Vietnamese
18	ĐỖ HỮU NGUYỄN	P2	60	1	8			64	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG ĐÌNH QUÊ	P2	57	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM MINH THẾ	P2	61	1	16			75	XAYLAP	Vietnamese
21	VŨ BẢO THÀNH	P2	58-59	2	15			82	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	11	789	18	122	2	25	6		
2	RP2	6	450	10	85	1	13	0		
3	P2	4	295	5	46	0	0	16		
TOTAL		21	1.534	33	253	3	38	22		
WEIGHT KG			1.534		253		38			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

TRẦN HỒNG NAM

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 06/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: HONG-3	TO: RP1 - BK3 - P10	CREW: KHOÀN - SON - DTÙNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 6	VNHS FLIGHT: TM26/2499		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN PHÚ	RP1						67	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN VĂN HOÀN	RP1						64	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH VINH	RP1	54	1	7			69	XAYLAP	Vietnamese
4	HOÀNG ĐÌNH VINH	RP1	55	1	3			67	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN KHẮC THỊNH	RP1	65	1	6			66	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM XUÂN THỰC	RP1	59	1	10			53	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN VAN NGOC	RP1	53	1	11			67	XAYLAP	Vietnamese
8	LƯƠNG THẾ MINH	RP1						61	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM MINH NGAY	RP1	68-69	2	13			63	XAYLAP	Vietnamese
10	DƯƠNG THÀNH TUÂN	RP1	56-57	2	18			62	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN ĐỨC	RP1	63	1	4			74	XAYLAP	Vietnamese
12	TÔ VĂN THẮNG	RP1	58	1	8			77	XAYLAP	Vietnamese
13	NGÔ VĂN SƠN	RP1	61-62	2	17			68	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM VĂN MINH	RP1	51-52	2	8			52	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ VŨ THÀNH CÔNG	RP1	64	1	5			60	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC CHINH	RP1	50	1	3			79	XAYLAP	Vietnamese
17	VŨ VĂN HẢI	RP1	60	1	5			84	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐÌNH VĂN QUẢNG	RP1	66-67	2	12			54	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN SỸ	RP1	46	1	12	2	30	76	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAN NGỌC TUẤN ANH	RP1	47	1	15			81	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU TRƯỜNG	RP1	48-49	2	20			73	XAYLAP	Vietnamese
22	KIEU VAN TUÂN	RP1	45	1	3			78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	22	1.495	25	180	2	30	0		
2	BK3	0	0	0	0	0	0	10		
3	P10	0	0	0	0	1	2	9		
TOTAL		22	1.495	25	180	3	32	19		
WEIGHT KG			1.495		180		32			

GRAND TOAL: 1.707 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

PHẠM THÁI SƠN

